

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở NAM KỲ qua Châu bản triều Nguyễn

Nguyễn Hữu Hiếu - Nguyễn Thanh Thuận

Trong quá trình sưu tầm, tập hợp tư liệu để thành lập Trung tâm Tư liệu Lịch sử phương Nam, chúng tôi đã tiếp cận được khối tư liệu Châu bản triều Nguyễn, nhiều nhất là Châu bản triều Tự Đức với 352 tập, nhưng nay chỉ còn 53 tập; nhiều tập châu bản trong suốt 25 năm (từ năm Tự Đức thứ 11 (1858) đến năm Tự Đức thứ 35 (1882) đã thất lạc. Tuy nhiên, số châu bản liên quan đến công cuộc chống Pháp ở Nam kỳ may mắn còn lại mà chúng tôi tiếp cận được có thể giúp chúng ta tái hiện được phần nào hình ảnh công

cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam kỳ.

Số châu bản trên thể hiện rõ từ chủ trương sách lược chống Pháp sau khi Pháp đánh chiếm Nam kỳ của triều đình thời Tự Đức, đến biện pháp thực hiện và cả chính sách đối ngoại đối với người có công trong kháng chiến... Đặc biệt là sau khi Hòa ước Nhâm Tuất (1862), các châu bản này là một mặt trong đối sách hai mặt của vua Tự Đức. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ xin giới thiệu một số châu bản tiêu biểu mang các nội dung trên.

1. Ngay sau khi được tin

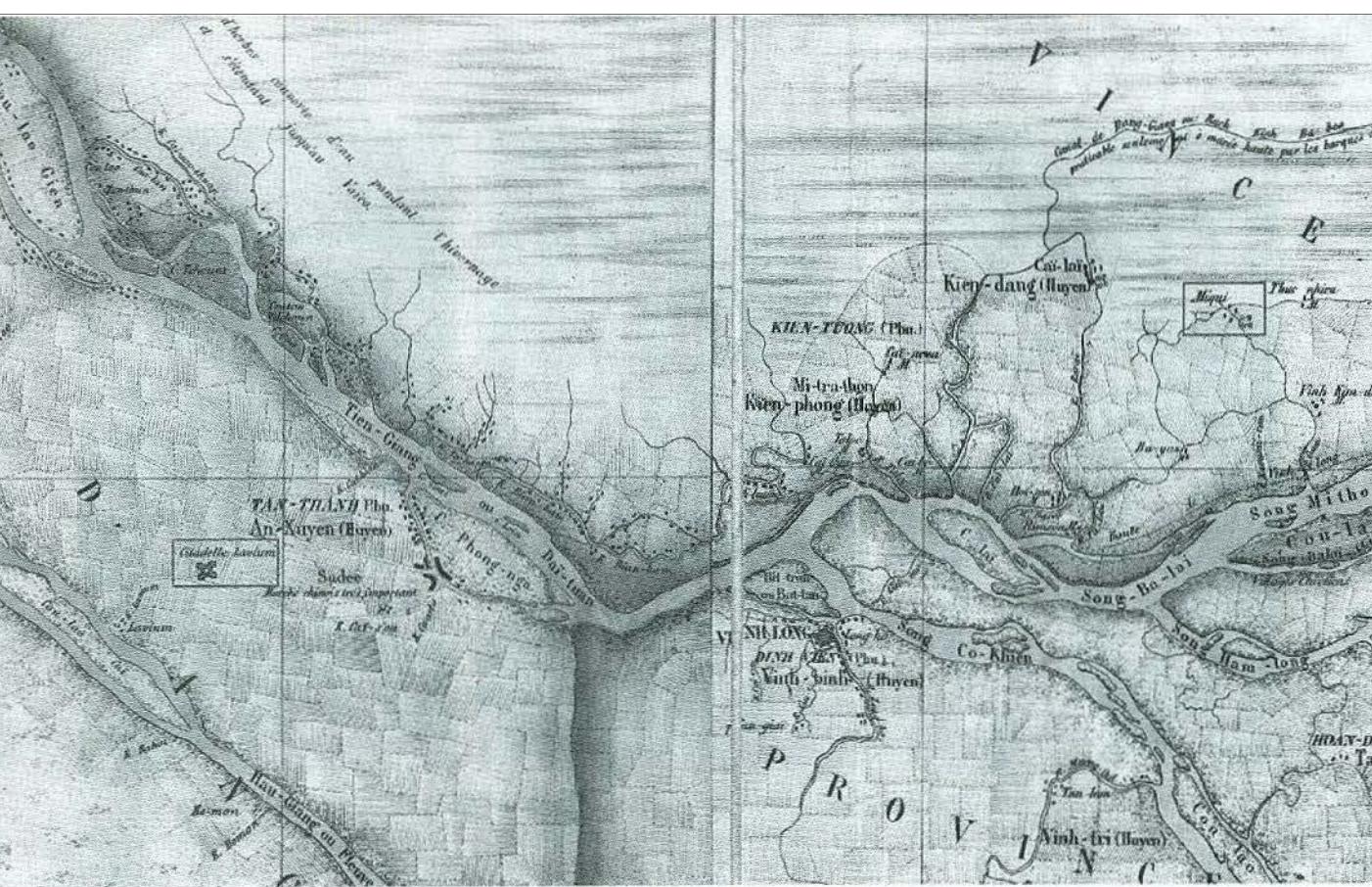
quân Pháp chiếm thành Gia Định ngày 18-2-1859, một mặt vua Tự Đức cho đại quân phòng ngự Đà Nẵng, một mặt sai Hộ bộ Thượng thư Tôn Thất Hiệp mang 1.500 quân vào Biên Hòa ngăn chặn quân Pháp đánh lan ra; mặt khác ban hành nhiều văn bản mang tính chỉ đạo chiến lược, tiêu biểu là Thượng dụ ngày 29 tháng Giêng năm Tự Đức XII (tức ngày 3-3-1859). Châu bản này được lưu trữ ở tập 102, tờ số 105, nội dung như sau:

Bản dịch nghĩa:

Tự Đức năm thứ 12, ngày 29 tháng Giêng

Châu bản Tự Đức tập 102 tờ số 105 - Nguồn TTLTQG I (Hà Nội)





Tân thành Mỹ Quý và thành Lai Vung trên bản đồ Cochinchine 1863. Do M.M.I. Manen và G.Heraud thực hiện theo lệnh của Phó Đô đốc Charner (1861) và Phó Đô đốc Bonard (1862).

“Chúng thần là Phạm Thanh, Phạm Phú Thứ, Hoàng Văn Tuyển ở Nội các phụng Thượng du:

Lần này bọn giặc Tây vào gây hấn ở tấn Đà Nẵng, trẫm đã thấy rõ từ trước việc phòng thủ bờ biển, nên đã lần lượt ban bố chỉ dụ vài ba lần, cho các địa phương tăng cường phòng ngự. Nay bọn giặc đó lại đến vùng biển các tỉnh Gia Định, Biên Hoà gây rối.

Do tinh thần 2 tỉnh đó còn phòng thủ sơ sài, nên dẫn đến việc thất thủ thành Gia Định. Nay hãy truyền dụ, nhắc nhở lại cho các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Biên Hoà, lại từ Định Tường đến Hà Tiên; ngoài Bắc từ Quảng Trị đến Nam Định, đều phải gia tâm sửa sang chấn chỉnh, phàm các cửa tấn rộng và sâu, tàu thuyền có thể ra vào, đều phải chọn những nơi trọng yếu xây lũy, đắp đồn, bảo hoặc thô sơn, pháo đài, đặt pháo lớn, binh lính phòng giữ cho

nghiêm. Các đường sông, sông nào sâu rộng thì chọn những nơi cạn hẹp quan yếu cắm đóng cọc gỗ, hoặc làm các thảo long⁽¹⁾ để ngăn giữ. Võ về nhân dân, luyện tập binh sĩ làm sao để biên cương luôn bền vững, chớ vì trước mắt chưa có việc gì mà thi hành qua loa.

Châu phê: Sao lục khẩn”.

Quân dân Nam kỳ thực hiện nghiêm túc thượng du này trong việc bảo vệ đất nước. Cụ thể như trên sông Bảo Định nối liền Tân An với Mỹ Tho chỉ dài hơn 20km mà có tới 9 thảo long (cản đất)⁽²⁾ do Tổng đốc Định Tường Nguyễn Công Nhàn chỉ đạo các quan địa phương đôn đốc.

Sau khi quân Pháp chiếm đóng Định Tường (4-1861), thực hiện thượng du trên Đỗ Thúc Tịnh và Võ Duy Dương xây thành mới ở Mỹ Quý (gọi là Tân thành Mỹ Quý), để tiếp tục chỉ huy chiến đấu, Bên cạnh đó vua Tự Đức còn giao cho

Nguyễn Công Nhàn, lúc bấy giờ đã phục chức Đốc binh, một lão tướng nổi danh binh nghiệp vùng sông nước, làm Thượng biện quân vụ, phụ trách quân thứ Vĩnh An (tức hai tỉnh Vĩnh Long và An Giang) xây thành đắp lũy bảo vệ ba tỉnh miền Tây Nam kỳ. Ông đã cho xây hai thành mà dân gian địa phương quen gọi là Bảo Tiên và Bảo Hậu, còn trên bản đồ quân sự Pháp, ghi là *Citadelle Laivium* (thành Lai Vung) và *Citadelle Lapvio* (thành Lấp Vò), cả hai thành này đều nằm trên bản đồ *Basse Cochinchine- 1863*, đang được lưu trữ tại Thư viện quốc gia Pháp tại Paris.

2. Sau Hòa ước Giáp Thân (1862), nhiều sĩ dân Nam kỳ chạy ra Bình Thuận, khi cuộc kháng chiến bị đàn áp; trong đó có Phan Trung⁽³⁾. Sau khi cùi Tân Hòa (Gò Gông) thất thủ, Phan Trung rút về Giao Loan, vùng Hàm Tân - Suối Kiết, nằm giữa Biên Hòa và Bình

兄式有永武維新等詳聞該肥弟式惟揚節次
從戎事狀再啟該省遵奉給該老母十一歲每月
米一方錢五貫照德威於年歲月日日院奉
奉一月終其妻生下一男即式惟揚現令十安生
下一男武惟奉三歲該督臣又將訪聞所得均
義人等自阮玩至阮大妙該三十八名氏列後附
密臣等竊想該督臣所教亦係勸義獎忠起見

另賞示勸及阮有熟實定詳人茲已放回據戶部
郎員籍恩候該舉人有無投居平順以北如何另
行擬辦等因款旁欵奉

硃批俟後究請追報今遞奏聞合確追授賜祭亦好但
與武揚訪賞之款恐洋聞難掩但節賞等員他亦
聞想為反應然亦無礙不然存沒不齊有戚于心
欽此臣院遵奉客客據該督臣咨敘據千戶楊肥

嗣德貳拾叁年捌月拾捌日機密院臣等
奏月初四日接平富署督臣申文便密覆一本謹
將進

呈奉照本年五月日臣院奉片列南人事狀請賞之
款有矣欵內一款胡毅紫死忠直即管鄭光儀均
係南人已故勢難擬辦外其武惟揚貫平定緬達
縣人請客各該省訪聞該員有無子孫如何具覆

Thuận, tiếp tục chỉ huy nghĩa quân của mình hoạt động ở vùng rừng núi Biên Hòa, Gia Định chống giặc. Ông còn cho 500 người khai khẩn đồn điền ở Tánh Linh, vùng giáp ranh khu vực Pháp chiếm đóng để tự túc lương thực. Ông tự xưng là “Bình Tây Phó Nguyên soái” liên kết cùng Lê Quang Quyền, một nghĩa quân của Trương Định, xây dựng thành căn cứ tích lũy lương thực, rèn đúc khí giới để chờ thời.

Ngay từ buổi đầu kháng chiến, Bình Thuận vốn có mối quan hệ mật thiết với các phong trào chống Pháp ở Lục tỉnh Nam kỳ. Nhiều nhà yêu nước lúc bấy giờ đã nhìn thấy vị trí chiến lược quan trọng của tỉnh Bình Thuận để kháng chiến chống Pháp. Ông Nguyễn Xuân Ôn khi làm quan án sát ở Bình Thuận đã làm mấy câu thơ “Cần hải, Mai sơn cấn vị thanh. Tam Phan tòng thử kiến bang bình”, tạm dịch: “Biển Cần, non Mai bụi chưa sạch. Ba Phan (Phan Thiết, Phan Rí, Phan Rang) từ nay trở thành bình phong cả nước”. Giao Loan-Bình Thuận vừa liền ranh với Biên Hòa, vừa

không nằm trong nhượng địa của giặc là đất tị địa, nơi tập kết lý tưởng của những sĩ phu yêu nước chống Pháp từ trong Nam kỵ chạy ra, khai hoang làm ruộng, tích trữ lương thực, mai phục chờ đợi thời cơ.

Vua Tự Đức rất quan tâm đến vấn đề này và vai trò của Phan Trung, nên sau Hòa ước Nhâm Tuất, mặc dù Phan Trung được phục chức Thị độc học sĩ, nhưng vẫn sung chức Khánh Hòa Diên nông sứ để lo việc khẩn hoang, nhưng thực chất là nơi đón nhận sĩ dân Nam kỵ chạy ra có nơi nương tựa, mưu sinh việc mai hậu, nằm trong quyết tâm lấy lại ba tỉnh miền Đông đã mất. Trong quyển *L'Empire Vietnamien face à la Chine et à la France (Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa)* của Yoshiharu Tsuboi, có viết: “Vua Tự Đức đã dốc toàn lực để lấy lại phần đất đã bị chiếm. Vua bí mật khuyến khích các quan trong vùng bị Pháp chiếm nổi dậy và nhà vua tìm cách thương lượng với Pháp để chuộc lấy các tỉnh ấy...”⁽⁴⁾.

Năm 1879, gặp tiết Hoàng

Thái hậu (Tù Dũ) thất tuần đại khánh, Phan Cư Chánh được chọn về triều dự lễ. Nghe tiếng ông, vua Tự Đức cho mời vào điện riêng hỏi han nhiều việc. Sau đó, ông được thăng Thị lang bộ Hộ, nhưng vẫn sung làm Khánh Hòa Diên nông sứ như cũ. Buổi điện kiến được Nội các ghi chép ngày 17-5 Tự Đức 32 (1879). Nay được xếp vào Châu bản tập 341, tr.241, như sau:

“Nội các tâu: Hôm nay
Hoàng thượng ngự châu tại
điện Văn Minh, tuyên triều
Diên nông sứ Phan Trung;
phụng sắc, vua hỏi:

“Ngươi năm nay tuổi tác bao nhiêu, từ trước đến nay trăm
chưa từng gặp, gặp thời nay đã
già rồi, thân thể còn được khỏe
mạnh hay đã suy yếu”, “ngươi ở
Khánh Hòa có làm việc gì hay
không hay chuyên làm ruộng
thôi?”

Tâu: “Thần chi chuyên việc
ruộng đồng”

- Người từ khi ra làm quan
đến nay trăm chưa hề thấy mặt,
nay gặp mà thấy có lòng như
vậy, trăm không lúc nào quên
được. Người liệu xem có kham

nỗi việc ở Kinh không, hay chỉ muốn làm việc đồng ruộng?

- Thần, mọi việc duy chỉ mệnh vua thì nghe, không dám chọn việc. Duy việc ruộng đồng chưa được hoàn thành, lại có thêm người Nam ở đó, thần tuy không tài năng, nhưng người ta thấy thần thật thà lại có uy tín, nếu để cho đi xa, e rằng người ta mong mỏi”⁽⁵⁾.

Tán đồng và ủng hộ việc xây dựng căn cứ Giao Loan cùng việc duy trì Phan Trung phụ trách công việc này, thể hiện sách lược của Tự Đức. Châu bản Tự Đức tập 164, tờ 42 sau đây, thể hiện rõ hơn:

Bản dịch nghĩa:

“Ngày 25 tháng 4 năm Tự Đức 20 (1867).

Chúng thần ở Viện Cơ mật tâu: Nay nhận được tờ mật tư của Thị độc Học sĩ Phan Trung trình bày: 9 người trong nhóm Phạm Thung là người theo viên áy tiếp tục đến, nghỉ xin cho chia theo viên áy cùng đến các tỉnh Vinh Long, Bình Thuận sai phái. Và đem sự trạng của họ phân loại ra, tự xin chiếu xét. Chúng thần đã sức cho cứu xét. Ngày tháng 7 năm ngoái, tập tâu của tỉnh Bình Thuận trình bày việc bố trí những người chiêu mộ được. Bộ Hộ trình bày trong đó có 1 khoản: Trong những người chiêu mộ phiên chế đi khai khẩn ruộng hoang, số lượng hiện nay tiếp tục đến là bao nhiêu xin tư cho thần là Phan Trung tra cứu rõ ràng rồi phân loại tư đến viện thần xét cho đầy đủ. Nay viên áy xét rõ hiện theo gần chỉ có 9 người, nghỉ nên chuẩn y lời xin, cho họ phân bổ, nhưng liệu cấp cho mỗi người mỗi tháng 2 quan tiền, 1 phuong gạo cho theo để sai phái”. Châu điểm.

3. Để truy công trạng, đền ơn đáp nghĩa đối với các nghĩa sĩ và gia đình đã xả thân vì nước, rất nhiều Châu bản triều Nguyễn thể hiện điều này.

Diễn hình như các châu bản phong chức, cho:

- Trương Định ở các châu bản Tự Đức quyển 229, tờ số 39; Tự Đức quyển 153, tờ số 1; Tự Đức quyển 212, tờ số 26.

- Võ Duy Dương ở các châu bản Tự Đức quyển 118, tờ số 209; Tự Đức: quyển 120, tờ số 135; Tự Đức quyển 383, tờ số 1.

- Nguyễn Trung Trực ở các châu bản Tự Đức quyển 120; tờ 135; Tự Đức quyển 383; tờ 72; Tự Đức quyển 364; tờ 6...⁽⁶⁾.

Việc này được thực hiện bí mật trong sách lược hai mặt của nhà vua, vừa hòa hoãn với giặc vừa đôn đốc kháng chiến. Hai bản báo cáo của Võ Duy Dương gởi về triều đình bị quân Pháp bắt được khi Võ Duy Dương bị cướp chặn đánh ở biển Cần Giờ trên đường về kinh sau khi căn cứ Tháp Mười thất thủ⁽⁷⁾, được Gustave Janneau, phổ biến năm 1914, có đoạn Võ Duy Dương viết:

“Hạ thần cử giáo thợ Nguyễn Hữu Huân đến Tân Hòa gấp Trương Định để thảo luận, tại đây ông gấp Chánh thị vệ Nguyễn Thi, người đã mang thánh chỉ phong cho Trương Định chức Bình Tây nguyên soái, tổng chỉ huy quân đội trong ba tỉnh.

Sau đó Nguyễn Hữu Huân trở về Định Tường mang theo thánh chỉ phong cho hạ thần chức Chánh đế đốc và ông Huân chức Phó đế đốc”⁽⁸⁾.

Còn chính sách đài ngộ đối với gia đình các nghĩa sĩ, lấy châu bản về Thiên hộ Võ Duy Dương làm điển hình:

Bản dịch nghĩa:

Châu bản Tự Đức tập 120, tờ 135 về truy xét công trạng và thưởng cho thân nhân Thiên hộ Võ Duy Dương.

“Viện Cơ Mật tấu: Ngày mùng 4 tháng trước, tiếp nhận 1 bản mật phúc của Thự Tổng đốc Bình Phú là Thân Văn Nhiếp đã kính cẩn dâng lên. Vâng xét: Ngày tháng 5 năm nay, viện thần vâng làm tờ phiến liệt kê công trạng người miền Nam xin cho thưởng, có ghi kèm: Võ Duy

Dương quê huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, xin mật tư về tinh áy dò hỏi viên này có con cháu hay không, phúc trình đầy đủ để xét thưởng. Theo tờ tư của viên Đốc thần tinh áy ghi: Người anh ruột của Dương là Võ Hữu Biểu, Võ Duy Tân khai rõ rằng em ruột của y là Võ Duy Dương cũng lần lượt theo làm việc quân. Lại tinh áy đã cấp cho mẹ già (hiện nay 71 tuổi) mỗi tháng 1 phuong gạo và 5 quan tiền. Vợ cả của Dương sinh 1 con trai là Võ Duy Cung (hiện nay 11 tuổi), vợ lẽ sinh 1 con trai là Võ Duy Phụng (hiện nay 13 tuổi). Viên Đốc thần áy lại đem những người chết vì việc nghĩa đã dò hỏi được từ Nguyễn Quang đến Nguyễn Thị Diệu gồm 38 người, liệt kê phía sau. Trong bản sách này Võ Duy Dương được đề nghị xét công đầu truy thọ Quản cơ chánh tú phẩm. Hai con còn nhỏ của ông xin được ghi tên đợi sau này truy tặng thành sẽ do quan địa phương sở tại tâu xin được lập ấm. Lại từ Võ Duy Dương và Nguyễn Quang gồm 39 người, xin được theo phê bảo cho lập 1 đàn tế tự để an ủi vong linh người đã mất. Khoản này nếu được chuẩn y, xin để tinh thần Khánh Hòa chi xuất tiền công, mua sắm lễ, cùng với Phan Trung chọn ngày soạn bài văn lập đàn tế tự.

Ngày 18 tháng 8 năm Tự Đức thứ 23 (1870)”.

Châu phê: “Nay nhân tế tặng quan viên, truyền chọn ngày sắm đú lễ phẩm, dùng lễ nghi trọng hậu tế những người tuân nghĩa ở Nam kỳ”.

(Nguồn: Trung tâm LTQG 1 – Hà Nội)

Hầu hết châu bản thuộc loại này mà chúng tôi tiếp cận, các nghĩa sĩ dù có công trận lớn hay nhỏ đều được vua Tự Đức tưởng thưởng tương xứng, thể hiện sự quan tâm của triều đình đối với công cuộc kháng chiến.

Tóm lại, công cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược

ở Nam kỳ, dù cho là do quân đội triều đình hay quân đội kháng chiến phụ trách đều do đích thân vua Tự Đức lãnh đạo chỉ huy qua châubản. Điều nênlưu ý, cuộc kháng chiến ở Nam kỳ bị chi phối bởi Hòa ước nhượng địa 1862, nên để tránh rắc rối xảy ra trong quan hệ hai nước (cụ thể là việc thi hành hòa ước này), để Pháp khôngvin vào đó mà tạo ra sức ép với triều đình), vua Tự Đức thường khéo léo sử dụng chính sách hai mặt “vừa đánh vừa đàm” với giặc.

Cuối cùng cuộc kháng chiến thất bại, quân Pháp chiếm đóng toàn bộ Nam kỳ, nhưng đó là vấn đề khác. ■

CHÚ THÍCH:

1. Tức đập cạn ngang sông.
2. Trần Văn Giàu (2001), *Chống xâm lăng*, Nxb. TP.HCM, tr.104-106.

3. Phan Cư Chánh (hay Cư Chính, thường được gọi là Phan Chánh (1814 – 1885?)), sau đổi là Phan Trung, năm 1841 đỗ cử nhân, được bổ làm tri huyện Tân Thạnh (thuộc Gia Định). Sau đó bị cách chức, vì kiện tụng. Năm 1861, tháng 2, quân Pháp đánh hạ đại đồn Chí Hòa, ông mờ được hơn nghìn nghĩa quân vào Nam theo Trương Định tổ chức kháng chiến. Vì vậy, ông được triều Nguyễn cho khôi phục quan tịch, sau thăng làm Thị giáng học sĩ. Tuy nhiên, trước vũ khí mạnh của đối phương, ít lâu sau, Trương Định phải dẫn quân lui về Gò Công, còn Phan Cư Chánh cũng phải cho quân rút về Giao Loan lập chiến khu.

4. Yoshiharu Tsuboi (1990), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, bản dịch của Nguyễn Đình Đầu, Ban KHXH.TP.HCM, tr.262.

5. Nội dung châubản này đến đây là kết thúc. Không rõ trong

Sài Gòn - Gia Định qua thơ văn xưa, Nxb. TP. HCM, 1987, của các tác giả Nguyễn Thị Thanh Xuân - Trần Khuê, từ tr.132-133, trích dẫn từ nguồn nào, lại có phần sau: - Hỏi: *Lúc trẻ (khanh) học với Phan Thành Giản phải không?* *Chi hướng hai người vốn có khác nhau phải không?* - Trả lời: *Thần có học với Phan Thành Giản, nhưng đối với tình thế lúc bấy giờ, thần trộm nghĩ làm như Trương Định mới đúng, nên thần theo Trương Định?*

6. Do điều kiện đây là một bài báo, nên chúng tôi chỉ xin nêu số quyển và số tờ của các châubản.

7. Renseignements sur le Thiền hộ Dương (Võ Duy) rebelle de la Plaine des Joncs (Tháp Mười) et commission de sa concubine Trần Thị Vàng (1869-1881)- (SL.4522), Phòng Thống đốc Nam kỳ.

8. Gustave Janneau, *Deux rapports militaires du Général Vo Dương-Revue Indochinoise, số 2, 1914.*

GIỚI THIỆU SÁCH

VƯỜN XƯA ĐẠO BUỐC

một tác phẩm khảo cứu về văn hóa

Sách tập hợp 26 bài viết về các di sản văn hóa, lịch sử, tác giả, tác phẩm văn học của thời kỳ cận hiện đại trong lịch sử nước nhà.

Các bài viết về di sản văn hóa như: Cố định Đức Thắng và đất Phan Thiết, Về hai ngôi đền đặc sắc ở Châu Đốc, Đất Long Mỹ xưa và hai ngôi đền cổ, Hai di tích thờ Không Tử ở Châu Đốc, Liên Pháp tịnh xá và Tì kheo ni Thích Duy Tâm... của tác giả Nguyễn Đông Triều đã giới thiệu về nguồn gốc lịch sử của những di tích văn hóa ở các địa phương Nam bộ và Nam Trung bộ (đền, miếu, chùa chiền, hội quán...), đồng thời tác giả cũng phiên dịch nhiều câu đối chữ Hán, Nôm ra quốc ngữ để truyền tai rộng rãi đến độc giả.

Các bài viết về tác giả, tác phẩm văn học như: Luân Đôn du ký: Thơ du ký Luân Đôn đầu thế kỷ XX, Tiêu thuyết lịch sử ở Nam bộ đầu thế kỷ XX, Mây nguồn cảm hứng trong tiêu thuyết Nam bộ, Tiêu thuyết đô thị Nam bộ 1945, 1954, Nguyễn Vỹ - chứng nhân văn hóa một thời, Đọc Khái Hưng ở miền Nam trước 1975... của tác giả Phan Mạnh Hùng đã khát quát được một phần



quan trọng diện mạo văn học Nam bộ qua một thể loại chủ lực là tiểu thuyết, từ đầu thế kỷ XX cho đến trước năm 1975; đồng thời một số bài viết cũng giới thiệu những tác phẩm giá trị nhưng vì những hoàn cảnh thời cuộc nên bị mờ khuất theo thời gian mà trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã tìm thấy, phát hiện được hoặc những nhà văn, nhà thơ là chứng nhân của cả một giai đoạn lịch sử nhưng chưa được xã hội biết đến, nhìn nhận đúng mức...

Vườn xưa đạo buốc là tập sách biên khảo công phu, nghiêm túc. Sách đem đến sự lý thú và bổ ích cho độc giả như nhận định của GS. Huỳnh Như Phượng trong lời tựa cuốn sách: "...phía sau những dòng chữ, cuộc "đạo buốc vườn xưa" cùng với Nguyễn Đông Triều và Phan Mạnh Hùng đem lại cho người đọc không chỉ sự chiêm nghiệm về quá khứ mà còn là thu hoạch bổ ích để đi tới những chọn lựa ứng xử phù hợp trong hiện tại và tương lai". ■

Cao Văn Thúc